TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 121/2022/DS-ST
Ngày: 12-8-2022
"Về tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé.

Ông Huỳnh Bữu Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2022/TLST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2022, về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2022/QĐTS-DS, ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Thạch Thị Thanh Ng**, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Chị **Hà Mộng L**, sinh năm 1974 và anh **Thạch Ma N**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch tiếng Khmer*: Ông **Thạch Thia Ri** – Giáo viên hưu trí (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cây Hẹ, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/02/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh Ng trình bày: Chị có tham gia 01 phần hụi do chị Hà Mộng L và anh Thạch Ma N làm đầu thảo, loại hụi 5.000.000 đồng, thỏa thuận lời nói ai kêu thăm cao thì hốt hụi, trừ hoa hồng đầu thảo là 1.500.000 đồng, có 15 phần hụi, hụi mở ngày 09/01/2020, 01 tháng khui hụi 02 lần, do dịch bệnh Covid – 19 nên kỳ hụi khui vào ngày 09/4/2020 không có khui hụi (**dây hụi số 02**). Trong dây hụi chị L và anh N ghi chị tên "Dì Mao" thứ tự số 03. Hụi khui được 08 kỳ thì chị L và anh N không khui hụi tiếp và cho rằng vỡ hụi. Chị đã đóng hụi sống cho chị L và anh N với số tiền là 15.170.000 đồng.

Nay chị yêu cầu chị L và anh N có trách nhiệm trả cho chị số tiền đóng hụi sống là 15.170.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Hà Mộng L vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2021 và ngày 31/3/2022 có nội dung: Chị có làm đầu thảo, dây hụi khui lần đầu vào ngày 09/01/2020, có 15 phần hụi (dây hụi số 02). Chị Thạch Thị Thanh Ng tham gia 01 phần đóng hụi sống cho chị đến lần thứ 08 với số tiền là 15.170.000 đồng, chị thừa nhận còn nợ tiền hụi sống chị Thạch Thị Thanh Ng với số tiền 15.170.000 đồng nhưng chị không đồng ý trả do không có tiền và chồng chị không liên quan đến việc chị tổ chức góp hụi.

Bị đơn anh Thạch Ma N vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 31/3/2022 có nội dung: Vợ anh là chị L có làm đầu thảo hụi còn góp hụi như thế nào với ai thì anh không biết, vấn đề kinh tế trong gia đình do vợ và con của anh quản lý. Khi vợ anh tổ chức khui hụi anh thấy có nhiều người đến thì anh có phụ vợ anh lo nước uống cho các hụi viên. Anh đồng ý cùng vợ trả nợ cho Chị Ng nhưng với điều kiện Chị Ng phải chờ vợ anh kiện người khác lấy được tiền để trả nợ vì hiện tại vợ chồng anh không có tiền để trả nợ. Anh đồng ý cùng vợ trả nợ cho Chị Ng theo số tiền Chị Ng với vợ anh tính toán.

***Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất*:**

Chị Hà Mộng L và anh Thạch Ma N thừa nhận còn nợ chị Thạch Thị Thanh Ng số tiền hụi là 15.170.000 đồng. Chị Ng không yêu cầu tính lãi.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Chị Ng yêu cầu chị L và anh N trả số tiền hụi còn nợ là 15.170.000 đồng.

Chị L không đồng ý trả vì không có tiền để trả Chị Ng.

Anh N đồng ý cùng chị L trả nợ cho Chị Ng nhưng với điều kiện Chị Ng phải chờ vợ anh kiện người khác lấy được tiền vì hiện tại vợ chồng anh không có tiền để trả nợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Chị L thừa nhận có làm chủ đầu thảo hụi và Chị Ng có tham gia 01 phần hụi và còn nợ Chị Ng là 15.170.000 đồng nhưng chị L và anh N không đồng ý trả vì không có tiền. Chị L và anh N là chủ đầu thảo hụi có hưởng hoa hồng phải trả tiền hụi vốn mà các hụi viên đã đóng nhưng chị L và anh N không thực hiện nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên còn sống, nên lời trình bày của chị L và anh N về phương thức trả nợ là không có căn cứ, từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị L và anh N có nghĩa vụ trả cho Chị Ng số tiền là 15.170.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc bị đơn chị L và anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn số tiền vốn gốc góp hụi là 15.170.000 đồng là có thật mặc dù các bên không có lập thành hợp đồng nhưng bị đơn có lập danh sách hụi và giao cho nguyên đơn giữ, khi thực hiện hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên thực hiện hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc các bên thực hiện hợp đồng góp hụi bằng lời nói là phù hợp quy định tại Điều 119 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó hợp đồng có hiệu lực đối với các bên.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chị Hà Mộng L thừa nhận có làm đầu thảo hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, dây hụi khui lần đầu vào ngày 09/01/2020, có 15 phần hụi (dây hụi số 02). Chị L thừa nhận còn nợ Chị Ng số tiền hụi sống đã đóng là 15.170.000 đồng nhưng chưa trả. Còn đối anh N mặc dù không đứng ra trực tiếp tổ chức góp hụi nhưng anh biết vợ anh tổ chức góp hụi và anh cũng đồng ý cùng vợ anh trả nợ cho Chị Ng. Chị L và anh N đang tồn tại mối quan

hệ hôn nhân và khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết không phải chứng minh phù hợp với quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì nguyên đơn đưa ra yêu cầu và bị đơn đã thừa nhận. Việc nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là thực hiện đúng quyền của hụi viên được quy định tại Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*". Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Đối với ý kiến của chị L thừa nhận có nợ nhưng không đồng ý trả cho Chị Ng với lý do không có tiền trả là không có cơ sở chấp nhận vì chị thừa nhận có nợ thì phải có trách nhiệm trả nợ cho Chị Ng theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với ý kiến của anh N đồng ý cùng chị L trả nợ cho Chị Ng nhưng với điều kiện Chị Ng phải chờ vợ anh kiện người khác lấy được tiền hiện tại vợ chồng anh không có tiền để trả nợ là không có cơ sở chấp nhận vì anh thừa nhận có nợ thì phải có trách nhiệm trả nợ cho Chị Ng theo quy định của pháp luật.

[6] Tuy chị L là người trực tiếp tổ chức góp hụi và anh N không có trực tiếp cùng tổ chức góp hụi nhưng việc chị L tổ chức góp hụi là nhằm đáp ứng nhu cầu kinh tế gia đình cũng như nhằm phát triển kinh tế gia đình và anh N cũng đồng ý cùng chị L trả nợ cho nguyên đơn, nên khi phát sinh nghĩa vụ thì đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng phù hợp với quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 119, 429, khoản 2 Điều 468, 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*";

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh Ng.

Buộc chị Hà Mộng L và anh Thạch Ma N có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị Thạch Thị Thanh Ng số tiền là 15.170.000 đồng (*Mười lăm triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hà Mộng L và anh Thạch Ma N phải chịu là 758.500 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Thạch Thị Thanh Ng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 189.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0002131, ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân